

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 389 HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 389 HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 389 HA NOI CONSTRUCTION INVESTMENT AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 389 HA NOI CONSTRUCTION INVESTMENT AND CONSULTING., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109320015

3. Ngày thành lập: 24/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

No-07 LK01, khu giãn dân Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981981389

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Phá dỡ	4311
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm vàng, bạc và kim loại quý khác và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	4662
23.	Khai thác và thu gom than non (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
24.	Khai thác khí đốt tự nhiên (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0620
25.	Khai thác quặng sắt (Trừ quặng uranium và thorium)	0710
26.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
27.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0810
28.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
29.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
30.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
31.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
32.	Đúc sắt, thép	2431
33.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
34.	In ấn	1811
35.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
36.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh; + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn)	3290
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

39.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn đồ uống	4633
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
47.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
50.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5012
51.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
54.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
55.	Quảng cáo	7310
56.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Đào tạo sơ cấp	8531
60.	Đào tạo trung cấp	8532
61.	Đào tạo cao đẳng	8533
62.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

63.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
64.	Hoạt động thể thao khác	9319
65.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
66.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
67.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820

69.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 8, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng) - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Khoản 7, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng) - Quản lý dự án đầu tư xây dựng (Khoản 20 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng) - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Dịch vụ tư vấn lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, tư vấn thẩm định; giám sát; quản lý dự án; (Khoản 8 Điều 4 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013) - Giám sát công tác xây dựng - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình (Khoản 9, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng) -Khảo sát địa hình -Khảo sát địa chất công trình (Khoản 1, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng)	7110
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH TIẾN	Số 4/4, đường Nguyễn Thượng Hiền, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	001079005926	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
2	PHẠM TIẾN THÀNH	Tổ 26, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	159.990	1.599.900.000	53,330	012242098	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	159.990	1.599.900.000	53,330		

3	BÙI ĐỨC TRÍ	Thôn Tó, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	26,670	013244454
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	80.000	800.000.000	26,667	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079005926

Ngày cấp: 28/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4/4, đường Nguyễn Thượng Hiền, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4/4, đường Nguyễn Thượng Hiền, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội